

Số: **69/KH-SNN**

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2022 và các năm tiếp theo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Năm 2021, Chỉ số năng lực cạnh tranh của Sở Nông nghiệp và PTNT đạt 81,97 điểm, xếp thứ 6/17 các Sở, ban, ngành, tăng 02 bậc so với năm 2020. Từ năm 2017 đến nay, vị trí xếp hạng của Sở Nông nghiệp và PTNT liên tục tăng đều qua các năm, có sự ổn định và bền vững¹, các chỉ số thành phần tương đối đồng đều và đạt điểm cao. Tuy nhiên, còn 02/10 chỉ số thành phần chưa đạt điểm khá, đó là: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin 6,18/10 điểm; Tính năng động 6,48/10 điểm. Để tiếp tục duy trì, cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh của Sở, góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Tuyên Quang theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 11/7/2022. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2022 và những năm tiếp theo, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục duy trì, cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2022 và các năm tiếp theo của Sở, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2025, Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Tuyên Quang nằm trong nhóm 20 đến 25 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước; thu hút ngày càng nhiều các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Tiếp tục duy trì, cải thiện điểm số 08 chỉ số thành phần, gồm: (1) Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; (2) Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; (3) Chi phí không chính thức; (4) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh; (5) Thiết chế pháp lý; (6) Cạnh tranh bình đẳng; (7) Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh; (8) Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật.

Tập trung nâng cao điểm số 02 chỉ số thành phần chưa đạt điểm khá, gồm: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Tính năng động.

¹ Năm 2017: đạt 71,27 điểm, xếp thứ 19/19; Năm 2018: đạt 55,15 điểm, xếp thứ 12/19; Năm 2019: đạt 92,30 điểm, xếp thứ 9/19; Năm 2020: đạt 94,30 điểm, xếp thứ 8/20; Năm 2021: đạt 81,97 điểm, xếp thứ 6/17.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Tập trung nâng cao điểm số 02 chỉ số thành phần chưa đạt điểm khá

1.1. Về tính minh bạch và tiếp cận thông tin (năm 2021 đạt 6,18/10 điểm)

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Trang thông tin điện tử; kịp thời cập nhật, đăng tải các quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, dự án, các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách (trừ tài liệu mật) hỗ trợ các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên Trang thông tin điện tử của Sở.

Niêm yết công khai đầy đủ theo quy định các thủ tục hành chính (TTHC), nhóm TTHC thuộc phạm vi, chức năng giải quyết, quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT ngay sau khi UBND tỉnh ban hành quyết định công bố TTHC, phục vụ tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp; 100% hồ sơ giải quyết TTHC được giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và được đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp theo quy định.

Chú trọng công tác cung cấp thông tin, văn bản liên quan đến hoạt động kinh doanh theo đề nghị của người dân, doanh nghiệp; khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia xây dựng, phản biện các chính sách, quy định về TTHC thuộc chức năng quản lý của ngành.

1.2. Về tính năng động (năm 2021 đạt 6,48/10 điểm)

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành; thực hiện chuyển đổi số, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của ngành theo Kế hoạch số 75/KH-SNN ngày 16/6/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT, cung cấp dữ liệu mở phục vụ nhu cầu khai thác thông tin của người dân, doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Tích cực tham gia đối thoại, hướng dẫn, hỗ trợ và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp đang gặp phải trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền

Nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ của công chức, viên chức trong xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm, tiêu cực của công chức, viên chức trong thực thi công vụ và giải quyết công việc, TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

2. Tiếp tục duy trì, cải thiện điểm số 08 chỉ số thành phần

2.1. Về văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính (năm 2021 đạt 8,36/10 điểm)

Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước; Kế hoạch số 08/KH-SNN ngày 31/01/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về triển khai thực hiện Đề án văn hóa công vụ; xây dựng môi trường văn hóa công sở văn minh, thân thiện, liêm chính, kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Nâng cấp trang thiết bị, đường truyền internet, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, chia sẻ, tích hợp dùng chung, phục vụ công tác quản lý nhà nước và nhu cầu của khai thác, tìm hiểu người dân, doanh nghiệp; tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả khi người dân, doanh nghiệp đến giải quyết công việc, TTHC tại cơ quan hành chính nhà nước.

2.2. Về chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính (năm 2021 đạt 7,72/10 điểm)

Định kỳ thực hiện rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, nhóm TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT, gắn với việc cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp theo quy định; đảm bảo các quy định về TTHC cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện, tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân công cho người dân và doanh nghiệp.

Hoàn thành việc số hóa, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC với quá trình tiếp nhận, xử lý TTHC thành dữ liệu sống sạch, chuyển hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản giấy, giao dịch trực tiếp sang hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản điện tử, giao dịch điện tử và cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc vào thời gian, địa giới hành chính; giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC trung bình còn tối đa 30 phút/01 lần giao dịch và giảm thời gian xuống trung bình còn 15 phút/01 lần giao dịch vào năm 2025.

Tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 23/KH-SNN ngày 10/3/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 để phục vụ giải quyết TTHC nhằm giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

2.3. Về chi phí không chính thức (năm 2021 đạt 8,92/10 điểm)

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch với người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp nhận thức về lợi ích sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ Bru chính công ích trong thực hiện TTHC, hạn chế thấp nhất tiếp xúc trực tiếp giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp; kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm những cá nhân, tập thể có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tạo chi phí không chính thức cho người dân, doanh nghiệp trong thực thi công vụ và giải quyết TTHC; biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể gương mẫu, tiêu biểu, trách nhiệm trong thực thi công vụ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần tiết kiệm chi phí tuân thủ pháp luật chung.

2.4. Về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2021 đạt 7,39/10 điểm)

Tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện có hiệu quả Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, Luật Hợp tác xã, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các chính sách về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn²; định kỳ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, để kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý những quy định không còn phù hợp, trái pháp luật gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

Xây dựng các tài liệu và tổ chức hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện các quy định pháp luật về đầu tư, sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, giải thích các nội dung chưa rõ, khó hiểu, hay có thắc mắc, kiến nghị trong quy định về TTHC, đảm bảo dễ hiểu, dễ thực hiện và không hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau.

Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, tăng cường liên kết và tổ chức sản xuất đảm bảo chất lượng, an toàn, gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

2.5. Về cạnh tranh bình đẳng (năm 2021 đạt 8,38/10 điểm)

Thực hiện bình đẳng trong đầu tư, sản xuất kinh doanh giữa các tổ chức, cá nhân, giữa các loại hình doanh nghiệp; minh bạch các thông tin, tài liệu (trừ thông

² Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND 20/12/2021 quy định một số chính sách phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/07/2021 về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025...

tin, tài liệu mật) thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, tạo điều kiện cho mọi tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng và thuận lợi trong việc tiếp cận thông tin các quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, đề án và các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư, sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2.6. Về thiết chế pháp lý (năm 2021 đạt 9,46/10 điểm)

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân theo Quyết định số 19/QĐ-SNN ngày 14/01/2021 về ban hành Nội quy tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang.

Công khai số điện thoại đường dây nóng và địa chỉ hộp thư điện tử tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; tổ chức tiếp nhận, xử lý, giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị, tố cáo về hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà đối với người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp, tạo môi trường lành mạnh, an toàn để người dân, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh bình đẳng, đúng pháp luật.

2.7. Về hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh (năm 2021 đạt 9,92/10 điểm)

Tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn kịp thời, đầy đủ, đảm bảo chất lượng và đúng thẩm quyền; nâng cao chất lượng công tác xây dựng VBQPPL gắn với tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thi hành pháp luật.

Thường xuyên lắng nghe và tham vấn ý kiến của người dân, cộng đồng doanh nghiệp, nhất là trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạn chế tối đa các bất cập, những “lỗ hổng” dễ làm phát sinh tiêu cực đối với người dân, doanh nghiệp.

2.8. Về hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật (năm 2021 đạt 9,16/10 điểm)

Chú trọng phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, các văn bản QPPL về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, ý thức và hành động tuân thủ pháp luật của người dân, doanh nghiệp; đảm bảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến với người dân, doanh nghiệp

Tăng cường năng lực phản ứng chính sách trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nhất là trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về vướng mắc, bất cập trong thực thi chính sách của người dân, doanh nghiệp; đề nghị xử lý hoặc xử lý giải quyết kịp thời theo thẩm quyền.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch của đơn vị, xác định rõ nhiệm vụ, biện pháp cụ thể để triển khai tổ chức thực hiện; định kỳ hằng quý, 06 tháng và 01 năm, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cùng với báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính về Sở Nông nghiệp và PTNT; kịp thời báo cáo Giám đốc Sở giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền.

2. Phòng Tổ chức cán bộ

Làm đơn vị đầu mối theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ kế hoạch này; định kỳ hằng quý, 06 tháng và 01 năm, tham mưu tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2022 và các năm tiếp theo của Sở Nông nghiệp và PTNT. Yêu cầu các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Hiệp hội DN tỉnh (phối hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chuyên môn;
- Các đơn vị trực thuộc Sở; (thực hiện)
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Việt